

Số: /TTYT-CV

V/v đăng ký nhu cầu vắc xin TCMR  
sử dụng trong năm 2025 và  
6 tháng đầu năm 2026

Thiệu Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**Kính gửi:** Trạm Y tế các xã, thị trấn

Căn cứ Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; công văn số 2462/BYT-DP ngày 10/5/2024 của Bộ Y tế về việc triển khai Nghị định số 13/2024/NĐ-CP.

Thực hiện Công văn số 426/DP-TC ngày 19/5/2024 của Cục Y tế dự phòng - Bộ Y tế về việc triển khai hoạt động của chương trình tiêm chủng mở rộng và công văn số 633/KSBT-PCBTN ngày 21/5/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc đăng ký nhu cầu vắc xin tiêm chủng mở rộng sử dụng trong năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch và đề xuất Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa phân bổ vắc xin tiêm chủng mở rộng cho các địa phương trên địa bàn huyện Thiệu Hóa sử dụng trong năm 2025 và gởi đầu 6 tháng năm 2026. Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa đề nghị các đơn vị thực hiện tốt một số nội dung cụ thể như sau:

1. Trạm Y tế các xã, thị trấn phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan rà soát, thống kê, dự kiến các nhóm đối tượng trong tiêm chủng mở rộng năm 2025 và 2026. Trên cơ sở đó đề xuất nhu cầu vắc xin tiêm chủng mở rộng sử dụng trong năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Đảm bảo số lượng vắc xin đề xuất sử dụng đủ cho các đối tượng; sử dụng hiệu quả nguồn vắc xin được phân bổ, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng vắc xin bị huỷ nguyên liệu/nguyên lọ do hết hạn không sử dụng.

2. Các khoa, phòng được phân công chỉ đạo tuyến: chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn trạm y tế tuyến xã triển khai thực hiện. Trạm Y tế xã, thị trấn báo cáo, trình UBND xã, thị trấn phê duyệt và gửi đăng ký nhu cầu vắc xin tiêm chủng mở rộng sử dụng trong năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 bằng văn bản về khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS và báo cáo nhanh về gmail [tiemchungthieuhoa@gmail.com](mailto:tiemchungthieuhoa@gmail.com) trước ngày 10/6/2024 để tổng hợp báo cáo Sở Y tế trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Y tế theo quy định.

Quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không gửi văn bản đăng ký nhu cầu vắc xin về khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS thì phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm Y tế về việc đảm bảo cung ứng vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại địa phương.

*(Hướng dẫn xác định nhu cầu, biểu mẫu đề xuất nhu cầu vắc xin gửi kèm tại Phụ lục).*

Nhận được công văn này đề nghị Trưởng Trạm Y tế các xã, thị trấn chỉ đạo các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CDC (báo cáo);
- Ban giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, KSBT&HIV/AIDS.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Thị Hương**

# HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NHU CẦU VẮC XIN CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG HÀNG NĂM

## 1. Đối tượng, lịch tiêm chủng vắc xin bắt buộc và chỉ tiêu trong tiêm chủng mở rộng<sup>1</sup>

### 1.1. Đối tượng, lịch tiêm

Việc xác định đối tượng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc

- Trẻ sơ sinh: vắc xin Viêm gan B
- Trẻ <1 tuổi: vắc xin BCG, bOPV, IPV, DPT-VGB-Hib, Sởi
- Trẻ 1-5 tuổi: vắc xin Viêm não Nhật Bản B
- Trẻ 18-24 tháng: vắc xin DPT, sởi-rubella
- Phụ nữ có thai: vắc xin Uốn ván

### 1.2. Chỉ tiêu tỷ lệ tiêm chủng cần đạt

**Bảng 1: Loại vắc xin, số mũi tiêm/uống/đối tượng, chỉ tiêu tiêm chủng**

<i>Loại vắc xin</i>	<i>Số mũi tiêm/uống/đối tượng</i>	<i>Chỉ tiêu tối thiểu<sup>2</sup></i>
Viêm gan B sơ sinh	1	≥90%
BCG	1	≥90%
DPT-VGB-Hib	3	≥90%
bOPV	3	≥90%
IPV	2	≥90%
Sởi	1	≥90%
DPT	1	≥90%
Sởi - Rubella	1	≥95%
Uốn ván	2	≥90%
Viêm não Nhật Bản	3	≥90%

<sup>1</sup>Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi, đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

<sup>2</sup>Chỉ tiêu tiêm chủng có thể điều chỉnh hàng năm theo nhu cầu thực tế, hướng dẫn của Bộ Y tế và Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025.

## **2. Đối tượng, lịch tiêm chủng các vắc xin khác đưa vào tiêm chủng mở rộng trong thời gian tới**

### **2.1. Đối tượng, lịch tiêm**

- Trẻ dưới 1 tuổi: vắc xin IPV mũi 2
- Trẻ 7 tuổi: vắc xin Td sẽ được triển khai cho trẻ từ 7 tuổi
- Trẻ dưới 1 tuổi: vắc xin Rota (thực hiện theo Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ về lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 – 2030 trong đó bổ sung vắc xin Rota từ năm 2022).

Các vắc xin được đưa vào trên cơ sở khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, Hội đồng tư vấn sử dụng vắc xin Bộ Y tế, tình hình dịch tễ các bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam.

Việc bổ sung các vắc xin mới khác vào tiêm chủng mở rộng theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế.

### **2.2. Chỉ tiêu tỷ lệ tiêm chủng cần đạt**

**Bảng 2: Loại vắc xin, số mũi tiêm, chỉ tiêu tiêm chủng**

<i>Loại vắc xin</i>	<i>Số mũi tiêm/uống/đối tượng</i>	<i>Chỉ tiêu tối thiểu</i>
Td	1	≥90%
Rota	2	≥90%
IPV mũi 2	1	≥90%

## **3. Tiêm bù, tiêm vét cho các đối tượng thuộc tiêm chủng mở rộng**

Các địa phương/đơn vị cần rà soát các đối tượng thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng chưa được tiêm chủng đầy đủ hoặc chưa tiêm chủng để xác định số vắc xin cần tiêm bù, tiêm vét trong tiêm chủng mở rộng.

## **4. Dự trữ gói đầu hàng năm**

Theo khoản 1 Điều 7 quy định về cung ứng vắc xin cho hoạt động tiêm chủng mở rộng tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng, vắc xin cung ứng được dự trữ trong 6 tháng.

## 5. Hệ số sử dụng vắc xin trong TCMR

- Ngày 03/8/2020, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3384/QĐ-BYT ban hành “Hệ số sử dụng (HSSD) vắc xin và vật tư tiêu hao trong tiêm chủng mở rộng” là cơ sở để các địa phương và các đơn vị xây dựng kế hoạch tiêm chủng hàng năm. Cụ thể như sau (*trích Quyết định số 3384/QĐ-BYT*):

TT	Loại vắc xin	Số liều/lọ	Hệ số sử dụng vắc xin				
			Toàn quốc	Đồng bằng	Trung du	Miền núi	Vùng sâu, vùng xa, khó khăn, đặc biệt (*)
1	BCG	10 liều/lọ	2,0	1,8	1,8	2,5	3,0
2	Viêm gan B	01 liều/lọ	1,05	1,05	1,05	1,05	1,05
3	DPT-VGB-Hib	01 liều/lọ	1,05	1,05	1,05	1,05	1,10
4	OPV	20 liều/lọ	1,7	1,6	1,6	2,0	2,5
5	Sởi	10 liều/lọ	1,8	1,5	1,6	2,0	2,5
6	Sởi - Rubella	10 liều/lọ	1,8	1,5	1,6	2,0	2,5
7	DPT	20 liều/lọ	2,2	2,0	2,0	2,8	3,5
8	Uốn ván	20 liều/lọ	2,0	1,7	1,8	2,5	3,0
9	Viêm não Nhật Bản B	10 liều/lọ (5 ml)	1,8	1,5	1,6	2,0	2,2
10	Bại liệt tiêm (IPV)	10 liều/lọ	1,8	1,5	1,6	2,0	2,2

(\*): Bao gồm các địa bàn ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn: nơi phải tổ chức tiêm chủng ngoài trạm, tiêm chủng nhiều ngày, nhiều đợt trong tháng.

- Áp dụng mức HSSD 1,05 đối với vắc xin Rota (vắc xin đơn liều có HSSD 1,05 theo Quyết định số 3384/QĐ-BYT) và 1,2 đối với vắc xin Td trong tiêm chủng chiến dịch (Quyết định số 2155/QĐ-BYT ngày 25/5/2020 của Bộ Y tế có HSSD đối với vắc xin Td tiêm chủng chống dịch là 1,3).

## 6. Số tồn vắc xin

Tình hình sử dụng vắc xin cần được báo cáo, kiểm kê thường xuyên để kịp thời điều phối nhằm sử dụng hiệu quả, tránh hao phí do hết hạn sử dụng. Việc dự trữ vắc xin hàng năm phải căn cứ trên dự kiến số tồn tại thời điểm cuối năm của năm trước (*ví dụ xác định nhu cầu vắc xin năm 2025 phải căn cứ số dự kiến tồn thời điểm ngày 31/12/2024. Xác định số vắc xin dự kiến tồn cuối năm*

2024 căn cứ vào nhu cầu đề xuất vắc xin của địa phương năm 2024 và dự kiến số lượng vắc xin được đáp ứng theo đúng nhu cầu).

### **7. Cách tính nhu cầu vắc xin cần cung ứng hàng năm**

- Số lượng vắc xin tiêm bù mũi cho đối tượng thuộc kế hoạch TCMR chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm chủng đầy đủ (liều):

**A = Số đối tượng x Chỉ tiêu tiêm chủng x Số mũi tiêm x HSSD**

- Số lượng vắc xin trong năm (liều):

**B = Số đối tượng x Chỉ tiêu tiêm chủng x Số mũi tiêm x HSSD**

- Số vắc xin dự trữ gói đầu 6 tháng năm tiếp theo (liều):

**C = Số đối tượng x Chỉ tiêu tiêm chủng x Số mũi tiêm x HSSD**

- Số vắc xin còn dự kiến tồn của năm trước (liều):

**D = Số dự kiến tồn tất cả các tuyến đến ngày 31/12**

- Nhu cầu vắc xin cần cung ứng trong năm (liều):

**E = A+B+C-D**

**Lưu ý:** để đảm bảo dự trữ đủ vắc xin sử dụng, không thừa, không thiếu vắc xin các địa phương cần căn cứ thêm: số đối tượng tiêm chủng di biến động, đối tượng vắng lai và đối tượng tiêm chủng sử dụng vắc xin dịch vụ khi ước tính nhu cầu vắc xin.

### **8. Biểu mẫu tổng hợp nhu cầu (đính kèm)**







TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin tiêm bù mũi cho đối tượng thuộc kế hoạch TCMR chưa được tiêm chủng (A)					Nhu cầu vắc xin trong năm ... (B)					Nhu cầu vắc xin gởi đầu 6 tháng đầu năm... (C)					Số vắc xin còn tồn của năm trước	Tổng nhu cầu vắc xin (E)
		Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/uống	Nhu cầu vắc xin	Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/uống	Nhu cầu vắc xin	Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng	Hệ số sử dụng	Số mũi tiêm/uống	Nhu cầu vắc xin		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(A=1*2*3*4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(B=6*7*8*9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(C=11*12*13*14)		
10	Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT)																	
11	Rota																	
12	Uốn ván - Bạch hầu giảm liều (Td)																	

**Ghi chú:** làm tròn số liều vắc xin theo đơn vị liều/lọ (ví dụ: vắc xin BCG 10 liều/lọ; bOPV 20 liều/lọ, VGB 01 liều/lọ).

**Trưởng Trạm Y tế**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Xã Thiệu ....., ngày.....tháng ..... năm 2024*

**Chủ tịch UBND xã, thị trấn**  
*(Ký tên, đóng dấu)*